

Bản án số: 197 /2024/HS-ST

Ngày : 24/7/ 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Tuất và ông Nguyễn Đình Quang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Trảng Bom.

- *Đại diện VKSND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:* Ông Lê Trọng Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 188/ 2024/ TLST-HS ngày 14/6/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXHS-ST ngày 05/7/2024 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 tại tỉnh Hà Nam.** Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân Đ (đã chết) và bà Dương Thị M (đã chết); Có chồng: Lã Văn Tùng (đã chết), có 04 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- **Bị hại:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (bà C có mặt, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị B và bà Lê Thị C (sinh năm 1967, trú tại ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) có quan hệ thông gia với nhau. Vào khoảng tháng 10/2022, bà C đến nhà B nhờ B liên hệ với các cơ quan chức năng để xin cho ông Nguyễn Võ (sinh năm 1968, là chồng của bà C), anh Nguyễn Sỹ (sinh năm 1995, là con ruột của bà C) và anh Giáp Minh Tuấn (sinh năm 1989, là con rể của bà C) cùng ngụ tại ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đang bị Công an huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng

Nai bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản được tại ngoại điều tra. Tuy bản thân không có khả năng thực hiện yêu cầu của bà C nhưng B vẫn nhận lời giúp bà C với số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). B dự định nhận tiền của bà C trước rồi sẽ liên hệ với đối tượng tên Chính (không xác định được nhân thân lai lịch) để lo việc giúp bà C. Do tin tưởng B nên khoảng 03 ngày sau, bà C đi cùng với chị Nguyễn Thị D (sinh năm 1989, là con ruột của bà C) đến nhà B đưa B số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), B nhận tiền và hứa hẹn trong thời gian khoảng 02 tuần lễ thì ông Võ, anh Sỹ và anh Tuấn sẽ được tại ngoại điều tra. Sau khi nhận tiền của bà C, B liên hệ với đối tượng Chính nhưng không được, cũng vào thời điểm này do B đang bị bệnh và cần tiền để chữa bệnh nên B đã dùng số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) bà C đưa để sử dụng vào mục đích chữa bệnh cho bản thân mà không thông báo cho bà C biết và cũng không liên hệ để xin bảo lãnh tại ngoại cho người nhà của bà C. Sau thời hạn 02 tuần lễ, bà C và chị D đến nhà B hỏi lý do vì sao chồng, con bà C chưa được tại ngoại thì B nói dối với bà C và chị D là “cứ yên tâm vài ngày nữa sẽ được về”. Đồng thời, lúc này do cần tiền để chữa bệnh nên B nảy sinh ý định lừa bà C để chiếm đoạt tiền nên B nói dối với bà C, chị D là thủ tục xin tại ngoại cho chồng, con bà C chưa xong do chưa đủ tiền và yêu cầu bà C, chị D đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nữa, do tin tưởng lời B nói là thật nên chị D đã đưa cho B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, B vẫn không thực hiện bất cứ hoạt động nào để xin cho chồng và con bà C được tại ngoại mà sử dụng toàn bộ số tiền nói trên để chữa bệnh và tiêu xài cá nhân hết. Do người thân không được tại ngoại điều tra nên bà C, chị D đến gặp B để đòi lại tiền thì đến cuối năm 2022 B đã trả lại cho bà C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), số tiền còn lại hiện nay B không có khả năng trả. Ngày 10/8/2023, bà C đã gửi đơn tố cáo Nguyễn Thị B có hành vi chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom (Bút lục số: 01-10; 31-62; 54-62; 69-78).

Ngày 25/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị B về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” để điều tra. Quá trình điều tra bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Không.

Tại cáo trạng số 192/CT-VKSBH, ngày 11/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố và không có ý kiến gì về bản cáo trạng. Về dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Thị B phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 08 (tám) đến 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về dân sự: Bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị B bồi thường số tiền 120.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị B bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Thực tế có cơ sở chứng minh, Khoảng tháng 10/2022, tại ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị B đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà Lê Thị C số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) nên có cơ sở kết luận bị cáo phạm tội « Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản » và có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị D nên có cơ sở kết luận bị cáo phạm tội « Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ».

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã khắc phục hậu quả cho bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

[5] Về dân sự: Bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị B bồi thường số tiền 120.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị B bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bà C số tiền 120.000.000 đồng và bồi thường cho bà D số tiền 20.000.000 đồng.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm các tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 01 (một) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Kể từ khi người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo B chưa thanh toán số tiền nêu trên thì các bị cáo còn phải chịu theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000đ (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu h/s, án văn.

Nguyễn Triều Châu

